

Kinh Phật Thuyết Ngũ Thập Tụng Thánh Bát-nhã Ba-la-mật

Đại Chánh (Taisho) vol. 08, no. 248

Hán dịch: Thích Hộ
Phiên âm & Lược dịch: Nguyễn Tấn & Nguyễn Hiền
Việt dịch: Minh Tấn



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và
Lược Dịch Sun Apr 30 19:30:48 2006

=====

Bản Dịch của Chùa Châu Lâm

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 248 佛說五十頌聖般若波羅蜜經

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 248 Phật thuyết ngũ thập tụng Thánh Bát nhã Ba la mật Kinh

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 248 Kinh Phật thuyết ngũ thập tụng thánh Bát-nhã Ba-la-mật.

CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.5 (UTF-8) Normalized Version,
Release Date: 2004/10/11

佛說五十頌聖般若波羅蜜經

Phật thuyết ngũ thập tụng Thánh bát nhã ba la mật Kinh

Kinh Phật Thuyết Ngũ Thập Tụng Thánh Bát-nhã Ba-la-mật.

西天譯經三藏朝散大夫試鴻臚卿

Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng triều tán Đại phu thí hồng lư
khanh

Tây thiên dịch kinh Tam tạng, Triều tán Đại phu, Thí Hồng Lư khanh,

傳法大師臣施護奉 詔譯

truyện Pháp Đại sư Thần Thí Hộ phụng chiếu dịch

Truyện pháp Đại sư, Thần Thí Hộ phụng chiếu dịch.

如是我聞。一時佛在王舍城鷲峯山中。

như thị ngã văn 。 nhất thời Phật tại Vương xá thành Thửu Phong sơn trung

Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật ở thành Vương Xá, trong núi Thửu Phong,

與大苾芻眾千二百五十人俱。皆得阿羅漢。

dữ Đại bát sô chúng thiên nhị bách ngũ thập nhân câu 。 giai đắc A La Hán 。

cùng với chúng Đại Tỷ-khưu, một ngàn hai trăm năm mươi vị, đều đắc A-la-hán,

諸漏已盡無復煩惱。心善解脫通達智慧。

chư lậu dĩ tận vô phục phiền não 。 tâm thiện giải thoát thông đạt trí tuệ 。

các lậu đã hết, không còn phiền não, tâm khéo giải thoát, thông đạt trí tuệ;

如大龍王斷諸有結。去除重擔所作已辦。

như Đại long Vương đoạn chư hữu kết 。 khứ trừ trọng đấm sở tác dĩ辦 。

như Đại Long vương, dứt các kết sử, trừ bỏ gánh nặng, việc làm đã xong,

逮得已利心得自在。

đãi đắc dĩ lợi tâm đắc tự-tại 。

đã đạt được lợi, tâm được tự tại.

爾時佛告尊者須菩提。

nhĩ thời Phật cáo Tôn-Giả Tu Bồ đề 。

Bấy giờ, Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề:

若有善男子善女人及諸聲聞緣覺。愛樂修學無上菩提者。

nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân cập chư thanh văn duyên giác 。

。 ái lạc tu học vô thượng bồ đề giả 。

Nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân và các Thanh Văn, Duyên Giác ưa muốn tu học Bồ-đề vô thượng,

汝等之人。於此般若波羅蜜經。

nhữ đấng chi nhân 。 ư thử bát nhã ba la mật Kinh 。
thì các ông, ở kinh Bát-nhã Ba-la-mật này,

聽受讀誦分別演說速獲正覺。須菩提。此般若波羅蜜經。

thính thọ độc tụng phân biệt diễn thuyết tốc hoạch chánh giác 。 Tu
Bồ đề 。 thử bát nhã ba la mật Kinh 。

nghe, nhận, đọc, tụng, phân biệt, diễn nói, sớm được Chính giác. Tu-bồ-đề, kinh
Bát-nhã Ba-la-mật này

具足方便通達一切。

cụ túc phương tiện thông đạt nhất thiết 。

đầy đủ phương tiện, thông đạt tất cả,

諸佛菩薩甚深法藏應如是學如是修行。須菩提。若有菩薩摩訶薩。

chư Phật Bồ Tát thậm thâm Pháp tạng ứng như thị học như thị tu
hành 。

nghe, nhận, đọc, tụng, phân biệt, diễn nói, sớm được Chính giác. Tu-bồ-đề, kinh
Bát-nhã Ba-la-mật này

於此般若波羅蜜經。隨喜聽聞受持讀誦。

ư thử bát nhã ba la mật Kinh 。

應如是學如是修行何以故。

ứng như thị học như thị tu hành hà dĩ cố 。

nghe, nhận, đọc, tụng, phân biệt, diễn nói, sớm được Chính giác. Tu-bồ-đề, kinh
Bát-nhã Ba-la-mật này

此經廣說一切諸佛菩薩阿耨多羅三藐三菩提甚深法藏。須菩提。

thử Kinh quảng thuyết nhất thiết chư Phật Bồ Tát a nậu đa la tam miểu
tam Bồ đề thậm thâm Pháp tạng 。

Vì kinh này rộng thuyết tạng Pháp sâu xa Vô thượng Chính đẳng Chính giác của tất cả chư Phật, Bồ-tát. Tu-bồ-đề,

又此般若波羅蜜經。

hựu thử bát nhã ba la mật Kinh 。

hơn nữa, kinh Bát-nhã Ba-la-mật này

所有聲聞法緣覺法菩薩法菩提分法。

sở hữu thanh văn Pháp duyên giác Pháp Bồ Tát Pháp bồ đề phân Pháp 。

có pháp Thanh Văn, pháp Duyên Giác, pháp Bồ-tát, pháp Bồ-đề phần,

及一切諸佛一切般若波羅蜜法。聚集攝受平等如一。

cập nhất thiết chư Phật nhất thiết bát nhã ba la mật Pháp 。

tụ tập nhiếp thọ bình đẳng như nhất 。

và tất cả pháp Bát-nhã ba-la-mật của tất cả chư Phật, tập hợp, bao hàm, bình đẳng, như một.

爾時須菩提白佛言。世尊。

nhĩ thời Tu Bồ đề bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn,

云何所有聲聞法緣覺法菩薩法菩提分法。及一切諸佛一切般若波羅蜜法。

vân hà sở hữu thanh văn Pháp duyên giác Pháp Bồ Tát Pháp bồ đề phân Pháp 。

cập nhất thiết chư Phật nhất thiết bát nhã ba la mật Pháp 。

thế nào là có pháp Thanh Văn, pháp Duyên Giác, pháp Bồ-tát, pháp Bồ-đề phần, và tất cả pháp Bát-nhã ba-la-mật của tất cả chư Phật,

聚集攝受平等如一。

tụ tập nhiếp thọ bình đẳng như nhất 。

tập hợp, bao hàm, bình đẳng, như một?

佛告須菩提。所有布施波羅蜜。持戒波羅蜜。

Phật cáo Tu Bồ đề 。 sở hữu bố thí ba la mật 。 trì giới ba la mật 。

Phật bảo Tu-bồ-đề: Có Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật,

忍辱波羅蜜。精進波羅蜜。禪定波羅蜜。

nhẫn nhục ba la mật 。 tinh tấn ba la mật 。 Thiền định ba la mật 。

Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật,

智慧波羅蜜。內空。外空。內外空。大空。勝義空。

trí tuệ ba la mật 。 nội không 。 ngoại không 。 nội ngoại không 。

Đại không 。 thắng nghĩa không 。

Trí tuệ ba-la-mật, Không trong, Không ngoài, Không trong-ngoài, Không lớn,
Không thắng nghĩa,

有為空。無為空。無變異空。無相空。自相空。

hữu vi không 。 vô vi không 。 vô biến dị không 。 vô tướng không 。 tự
tướng không 。

Không hữu vi, Không vô vi, Không không biến dị, Không vô tướng, Không tự
tướng,

有際空。無際空。性空。本性空。無性空。自性空。

hữu tế không 。 vô tế không 。 tính không 。 bản tính không 。 Vô
tính không 。 tự tính không 。

Không hữu tế, Không vô tế, Không tính, Không bản tính, Không vô tính, Không tự
tính,

無性自性空。一切法空。四念處。四正斷。

Vô tính tự tính không 。 nhất thiết Pháp không 。 tứ niệm xử 。 tứ chánh
đoạn 。

Không vô tính tự tính, Không tất cả pháp, bốn Niệm xứ, bốn Chính cần,

四神足。五根。五力。七覺支。八聖道。四聖諦。

tứ Thần túc 。 ngũ căn 。 ngũ lực 。 thất giác chi 。 bát Thánh đạo 。 tứ Thánh đế 。

bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo, bốn Thánh đế,

四無色。八解脫。九分法。空解脫門。

tứ vô sắc 。 bát giải thoát 。 cửu phân Pháp 。 không giải thoát môn 。

bốn Vô sắc, tám Giải thoát, chín Phần pháp, cửa Giải thoát Không,

無相解脫門。無願解脫門。一切三摩地總持門。四智。

vô tướng giải thoát môn 。 vô nguyện giải thoát môn 。 nhất thiết Tam Ma Địa tổng trì môn 。

cửa Giải thoát Vô tướng, cửa Giải thoát Vô nguyện, cửa Tất cả tam-ma-địa tổng trì, bốn Trí,

五通。一切如來十力。四無所畏。大慈。大悲。

ngũ thông 。 nhất thiết Như-Lai thập lực 。 tứ vô sở úy 。

năm Thông, mười Lực của tất cả Như lai, bốn Vô sở úy, Đại từ, Đại bi,

十八不共法。須陀洹果。斯陀含果。

thập bát bất cộng Pháp 。

mười tám pháp Bất cộng, quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm,

阿那含果。阿羅漢果。緣覺果。菩薩一切道智。

A na hàm quả 。

quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Duyên Giác, Nhất thiết đạo trí của Bồ-tát.

如是一切善法。一切般若波羅蜜。

như thị nhất thiết thiện Pháp 。 nhất thiết bát nhã ba la mật 。

Tất cả pháp lành, tất cả Bát-nhã Ba-la-mật như thế,

悉皆聚集平等攝受。如一無異。

tất giai tụ tập bình đẳng nhiếp thọ 。 như nhất vô dị 。

thảy đều tập hợp, bình đẳng, bao hàm, như một, không khác.

爾時須菩提。聞佛所說。白世尊言。今此經典。

nhĩ thời Tu Bồ đề 。 văn Phật sở thuyết 。 bạch Thế Tôn ngôn 。 kim
thử Kinh điển 。

Bấy giờ, Tu-bồ-đề nghe lời Phật nói, bạch Thế Tôn: Nay kinh điển này,

聚集攝受一切善法。一切般若波羅蜜多。

tụ tập nhiếp thọ nhất thiết thiện Pháp 。 nhất thiết bát nhã ba la mật đa 。

tập hợp, bao hàm tất cả pháp lành, tất cả Bát-nhã ba-la-mật-đa,

平等如一。甚深微妙。意趣深遠。難解難知。

bình đẳng như nhất 。 thậm thâm vi diệu 。 ý thú thâm viễn 。 nan
giải nan tri 。

bình đẳng, như một, rất sâu, vi diệu, ý thú sâu xa, khó hiểu, khó biết.

佛言須菩提。如是如是。如汝所說。須菩提。

Phật ngôn Tu Bồ đề 。 như thị như thị 。 như nữ sở thuyết 。 Tu Bồ
đề 。

Phật dạy Tu-bồ-đề: Đúng thế, đúng thế, như lời ông nói. Tu-bồ-đề,

若有不種善根諸惡朋友。鈍根懈怠。無智愚癡。

nhược hữu bất chủng thiện căn chư ác bằng hữu 。 độn căn giải đãi
。 vô trí ngu si 。

nếu không trồng căn lành, làm bạn kẻ ác, căn chậm chạp, biếng nhác, không trí, ngu si,

少解少聞。初學淺識。及樂小乘。

thiểu giải thiểu văn 。 sơ học thiển thức 。 cập lạc Tiểu thừa 。
ít hiểu, ít nghe, mới học, biết cạn, và thích Tiểu thừa,

智慧狹劣者。於此般若波羅蜜經。難解難入。

trí tuệ hẹp liệt giả 。 ư thử bát nhã ba la mật Kinh 。 nan giải nan nhập 。

trí tuệ yếu kém hẹp hòi, thì đối với Bát-nhã Ba-la-mật này, khó hiểu, khó nhập,

而不信受。

nhi bất tín thọ 。

nên không tin, nhận;

汝等當知。復次須菩提。若有善男子善女人。

nhữ đẳng đương tri 。 phục thứ Tu Bồ đề 。 nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

các ông nên biết. Lại nữa, Tu-bồ-đề. Nếu có người thiện nam tử, thiện nữ nhân,

於此般若波羅蜜經。隨喜聽受。讀誦演說。

ư thử bát nhã ba la mật Kinh 。 tùy hỷ thính thọ 。 đọc tụng diễn thuyết 。

đối với Bát-nhã Ba-la-mật này, tùy hỷ, nghe nhận, đọc tụng, diễn nói;

如持過去未來現在諸佛。

như trì quá khứ vị lai hiện tại chư Phật 。

thì cũng như giữ gìn chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại,

不久速成阿耨多羅三藐三菩提。佛說是經已。尊者須菩提及諸菩薩。

bất cửu tốc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề 。 Phật thuyết thị Kinh dĩ 。 Tôn-Giả Tu Bồ đề cập chư Bồ Tát 。

không lâu sẽ chóng thành Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Phật nói kinh này xong, Tôn giả Tu-bồ-đề và các Bồ-tát,

天人阿修羅等。聞佛所說。皆大歡喜。

Thiên Nhơn A-tu-La đẳng 。 vãn Phật sở thuyết 。 giai Đại hoan hỷ 。

Trời, người, A-tu-la, vân vân, nghe lời Phật nói, đều rất vui mừng,

信受奉行。

tín thọ phụng hành 。

tin, nhận, làm theo.

佛說五十頌聖般若波羅蜜經

Phật thuyết ngũ thập tụng Thánh bát nhã ba la mật Kinh

Kinh Phật Thuyết Ngũ Thập Tụng Thánh Bát-nhã Ba-la-mật.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiến Trần Tiến Huyền Phiên Âm và

Lược Dịch Sun Apr 30 19:30:50 2006

=====